

**Bảng 4.7 - CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT LONG AN**

*(Kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-TCĐBVN ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Tổng cục ĐBVN)*

STT	Quốc lộ/đường	Tên cầu	Lý trình (Km)	Tỉnh/ TP	Tổng chiều dài cầu (m)	Số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng Thiết kế	Tải trọng Thực tế				Ghi chú
										(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	(12)
1	QL.62	Công Rạch Chanh	Km5+250	Thủ Thừa	57	5	12,72	9,7	H30-XB80			30		Chủ sở hữu CT: Sở NNPTNT LA
2		Công Bắc Đông	Km9+450	Thủ Thừa	43,6	4	13	10	H30-XB80			30		Chủ sở hữu CT: Sở NNPTNT LA
3		Mộc Hóa	Km69+780	Kiến Tường	229	9	10	7.0	H30-XB80		25 - 37 - 40			

**Ghi chú:**

- 1. Các cầu trên quốc lộ phạm vi Sở GTVT Long An không ghi trong bảng trên là các cầu không cấm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT.*
- 2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.*
- 3. Các chỉ số tại Cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tải trọng Xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tổng tải trọng xe Đầu kéo kéo rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tổng tải trọng xe thân liền kéo rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng). Ví dụ Cột 11B có ghi : 25-37-40, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 25 Tấn; Xe đầu kéo kéo rơ mooc được lưu thông với tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 37 Tấn và Xe đầu thân liền kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 40 Tấn.*
- 4. Các chỉ số ghi ở Cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số 115 " Hạn chế tải trọng xe" (Biển số theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ số 41:2012/BGTVT. Ví dụ: Ở cột 11C có ghi số "30" - Nghĩa là cầu có cấm biển Hạn chế trọng lượng toàn bộ (cả xe và hàng) vượt quá 30T.*
- 5. Cột nào mà ở cột 11A có ghi ký hiệu (\*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D.*